

Phụ lục 7

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 (BAO GỒM KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 VỀ TRƯỚC ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM 2025) THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI (MỚI) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

Nguồn vốn: ngân sách trung ương và ngân sách địa phương

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: Triệu đồng

TT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) sau điều chỉnh													Ghi chú
	Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch	Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025				Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025)								
		Tổng vốn	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025				
						Tổng vốn	Trong đó:			Tổng vốn	Trong đó:			
			NSTW	NSDP bao gồm:			NSTW	NSDP bao gồm:			NSTW	NSDP bao gồm:		
NST	NSH	NST		NSH	NST	NSH								
		1,650,225	1,539,498	-	110,727	448,122	432,049	-	16,073	82,577	80,112	-	2,465	
I	Dự án 1. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh	115,426	108,160	-	7,266	22,625	21,602	-	1,023	7,262	7,127	-	135	
1	Xã Kon Plông	3,262	3,080	-	182	90	90	-	-	204	160	-	44	
2	Xã Măng Bút	3,969	3,673	-	296	80	80	-	-	-	-	-	-	
3	Xã Măng Đen	5,841	5,645	-	196	2,247	2,247	-	-	140	120	-	20	
4	Xã Ia Đal	7,746	7,151	-	595	1,671	1,583	-	88	19	19	-	-	
5	Xã Ia Toi	5,342	5,247	-	95	834	834	-	-	-	-	-	-	
6	Xã Ngọc Bay	2,300	2,102	-	198	-	-	-	-	121	77	-	44	
7	Xã Đắk Rơ Wa	2,170	1,876	-	294	860	782	-	78	-	-	-	-	
8	Phường Đắk Cầm	44	40		4									
9	Xã Đắk Tô	2,717	2,196	-	521	486	325	-	161	201	201	-	-	
10	Xã Ngọc Tụ	2,746	2,484	-	262	980	818	-	162	11	11	-	-	
11	Xã Kon Đào	3,856	3,300	-	556	780	412	-	368	-	-	-	-	
12	Xã Sa Bình	4,858	4,772	-	86	716	716	-	-	86	86	-	-	
13	Xã Ya Ly	3,571	3,476	-	95	810	810	-	-	616	616	-	-	
14	Xã Mo Rai	3,321	3,281	-	40	-	-	-	-	65	65	-	-	
15	Xã Sa Thầy	317	294	-	24	44	44	-	-	10	10	-	-	
16	Xã Rờ Koi	1,132	1,115	-	17	950	950	-	-	5	5	-	-	
17	Xã Măng Ri	15,597	14,179	-	1,418	1,540	1,540	-	-	63	63	-	-	
18	Xã Tu Mơ Rông	1,573	1,430	-	143	675	675	-	-	-	-	-	-	

TT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) sau điều chỉnh													Ghi chú
	Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch	Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025				Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025)								
		Tổng vốn	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025				
			NSTW	NSDP bao gồm:		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:				
NST	NSH	NSTW		NST	NSH		NSTW	NST		NSH				
19	Xã Đắk Sao	1,264	1,149	-	115	633	633	-	-	-	-	-	-	
20	Xã Đắk Tôr Kan	1,277	1,161	-	116	446	446	-	-	-	-	-	-	
21	Xã Đắk Rve	5,025	4,841	-	184	1,761	1,705	-	56	352	350	-	2	
22	Xã Kon Brailh	2,733	2,648	-	85	295	295	-	-	119	119	-	-	
23	Xã Đắk Kôi	2,414	2,327	-	88	220	200	-	20	202	202	-	-	
24	Xã Đắk Pxi	7,339	7,211	-	128	960	960	-	-	693	693	-	-	
25	Xã Đắk Ui	1,057	979	-	78	638	580	-	58	-	-	-	-	
26	Xã Ngọc Réo	1,784	1,732	-	52	797	765	-	32	288	288	-	-	
27	Xã Đắk Hà	352	320	-	32	-	-	-	-	-	-	-	-	
28	Xã Đắk Mar	265	265	-	-	175	175	-	-	90	90	-	-	
29	Xã Ngọc Linh	5,130	5,010	-	120	-	-	-	-	1,386	1,386	-	-	
30	Xã Đắk Plô	5,322	5,274	-	48	-	-	-	-	908	908	-	-	
31	Xã Đắk Long	2,044	2,028	-	16	-	-	-	-	7	7	-	-	
32	Xã Xốp	3,778	3,730	-	48	3,200	3,200	-	-	1,212	1,212	-	-	
33	Xã Đắk Pék	395	375	-	20	-	-	-	-	229	229	-	-	
34	Xã Dục Nông	4,373	3,305	-	1,068	455	455	-	-	234	210	-	24	
35	Xã Sa Loong	513	466	-	47	280	280	-	-	-	-	-	-	
II	Dự án 2. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	413,327	387,653	-	25,674	120,331	116,858	-	3,473	44,312	42,812	-	1,500	
1	Xã Măng Bút	55,283	54,519	-	764	17,307	16,743	-	564.00	17,727.51	17,727.51	-	-	
2	Xã Ia Toi	60,707	50,171		10,536	20,037	18,828		1,209.0					
3	Xã Đắk Tô	33,723	29,923		3,800	10,889	9,189		1,700.0	3,949.0	2,449.0		1,500.0	
4	Xã Sa Thầy	32,717	32,117	-	600	9,863	9,863	-	-	4,039.3	4,039.3	-	-	
5	Xã Măng Ri	2,640.0	2,400.0		240.0	-				900.0	900.0			
6	Xã Đắk Tôr Kan	22,000.0	20,000.0		2,000.0	-				845.0	845.0			
7	Xã Tu Mơ Rông	37,310.9	33,919.0		3,391.9	-				4,716.0	4,716.0			
8	Xã Đắk Sao	14,850.0	13,500.0		1,350.0	7,180.0	7,180.0			962.2	962.2			
9	Xã Ngọc Linh	43,600	43,600	-	-	15,671	15,671	-	-	7,994	7,994	-	-	
10	Xã Xốp	35,237	35,237			8,541	8,541			3,178.9	3,178.9			

TT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) sau điều chỉnh													Ghi chú
	Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch	Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025				Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025)								
		Tổng vốn	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025				
						Tổng vốn	Trong đó:			Tổng vốn	Trong đó:			
			NSTW	NSDP bao gồm:			NSTW	NSDP bao gồm:			NSTW	NSDP bao gồm:		
NST	NSH	NST		NSH	NST	NSH		NST	NSH					
11	Xã Sa Loong	32,915	29,923		2,992	-			-	-	-			
12	Xã Đắk Hà	42,344	42,344			30,843	30,843			-	-			
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	35,524	35,524	-	-	35,524	35,524	-	-	-				
*	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số	35,524	35,524	-	-	35,524	35,524	-	-	-	-	-	-	
1	Xã Măng Ri	35,524	35,524			35,524	35,524							
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh	843,401	783,727	-	59,674	214,355	205,658	-	8,696.6	15,040.9	14,778.8	-	262.2	
*	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	843,401	783,727	-	59,674	214,355	205,658	-	8,697	15,041	14,779	-	262	
1	Xã Kon Plông	21,871	20,411	-	1,460	5,482	5,482	-	-	-	-	-	-	
2	Xã Măng Bút	28,879	27,506	-	1,373	6,761	6,761	-	-	64	-	-	64	
3	Xã Măng Đen	32,642	31,256	-	1,386	11,000	10,670	-	330	5,749	5,749	-	-	
4	Xã Ia Tơi	53,205	43,903	-	9,302	14,204	12,974	-	1,230	-	-	-	-	

TT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) sau điều chỉnh													Ghi chú	
	Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch	Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025				Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025)									
		Tổng vốn	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025					
						Tổng vốn	Trong đó:			Tổng vốn	Trong đó:				
			NSTW	NSDP bao gồm:			NSTW	NSDP bao gồm:			NSTW	NSDP bao gồm:			
NST	NSH	NST		NSH	NST	NSH									
5	Xã Ia Đal	17,258	15,140	-	2,118	6,119	5,563	-	556	-	-	-	-		
6	Xã Đắk Rơ Wa	12,545	11,198	-	1,347	3,105	2,829	-	276	330	172	-	158		
7	Xã Đắk Cấm	1,563	1,400	-	163	324	309	-	15	15	15	-	-		
8	Xã Ngọc Bay	3,104	2,800	-	304	853	775	-	78	-	-	-	-		
9	Xã Đắk Tô	40,956	36,846	-	4,110	5,970	5,750	-	220	365	325	-	40		
10	Xã Ngọc Tụ	22,300	21,500	-	800	8,581	8,363	-	218	1,171	1,171	-	-		
11	Xã Kon Đào	20,323	19,038	-	1,285	5,969	5,546	-	423	5	5	-	-		
12	Xã Mô Rai	5,494	5,494	-	-	3,122	3,122	-	-	71	71	-	-		
13	Xã Sa Thầy	80,612	76,303	-	4,309	19,002	19,002	-	-	315	315	-	-		
14	Xã Rờ Koi	2,591	2,591	-	-	1,028	1,028	-	-	4	4	-	-		
15	Xã Sa Bình	2,644	2,644	-	-	1,729	1,729	-	-	0	0	-	-		
16	Xã Ya Ly	8,205	8,205	-	-	1,800	1,800	-	-	635	635	-	-		
17	Xã Măng Ri	60,836	55,413	-	5,424	11,775	11,775	-	-	821	821	-	-		
18	Xã Tu Mơ Rông	27,446	24,951	-	2,495	6,658	6,658	-	-	407	407	-	-		
19	Xã Đắk Tô Kan	42,739	38,854	-	3,885	4,983	4,983	-	-	59	59	-	-		
20	Xã Đắk Sao	23,559	21,418	-	2,142	4,148	4,148	-	-	371	371	-	-		
21	Xã Kon Braih	41,533	41,533	-	-	4,782	4,782	-	-	166	166	-	-		
22	Xã Đắk Rve	21,956	21,956	-	-	9,458	9,458	-	-	68	68	-	-		
23	Xã Đắk Kôi	16,800	16,800	-	-	8,933	8,933	-	-	213	213	-	-		
24	Xã Đắk Pxi	26,488	21,600	-	4,888	11,298	6,224	-	5,074	604	604	-	-		
25	Xã Ngọc Réo	24,049	22,553	-	1,496	4,832	4,556	-	276	177	177	-	-		
26	Xã Đắk Ui	26,425	23,180	-	3,246	8,626	8,626	-	-	33	33	-	-		
27	Xã Đắk Mar	6,644	6,644	-	-	2,278	2,278	-	-	49	49	-	-		
28	Xã Đắk Hà	16,029	16,029	-	-	1,709	1,709	-	-	214	214	-	-		
29	Xã Ngọc Linh	24,977	24,977	-	-	8,455	8,455	-	-	2,136	2,136	-	-		
30	Xã Xốp	35,723	35,723	-	-	5,565	5,565	-	-	62	62	-	-		
31	Xã Đắk Long	11,403	11,403	-	-	3,694	3,694	-	-	24	24	-	-		
32	Xã Đắk Plô	31,392	31,392	-	-	9,054	9,054	-	-	905	905	-	-		
33	Xã Đắk Pék	11,946	11,946	-	-	2,000	2,000	-	-	3	3	-	-		
34	Xã Đắk Môn	10,013	10,013	-	-	5,697	5,697	-	-	3	3	-	-		

TT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) sau điều chỉnh													Ghi chú	
	Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch	Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025				Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025)									
		Tổng vốn	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025					
			NSTW	NSDP bao gồm:		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:					
NST	NSH	NSTW		NST	NSH		NSTW	NST		NSH					
35	Xã Dục Nông	29,250	21,109	-	8,141	5,362	5,362	-	-	-	-	-	-		
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	163,390	151,942	-	11,448	33,084	30,483	-	2,601.4	2,893.0	2,747.4	-	145.6		
*	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường Phổ thông có học sinh bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	163,390	151,942	-	11,448	33,084	30,483	-	2,601	2,893	2,747	-	146		
1	Xã Măng Bút	12,202	12,202	-	-	2,669	2,669	-	-	-	-	-	-		
2	Xã Kon Plông	1,135	775		360	1,135	775		360.0						
3	Xã Ia Toi	9,856	8,500		1,356										
4	Xã Ia Đal	10,771	9,241		1,530										
5	Xã Ngọc Tụ	8,098	6,898	-	1,200	1,153	-	-	1,153	-	-	-	-		
6	Xã Kon Đào	9,614	8,524	-	1,090	5,181	4,093	-	1,088	-	-	-	-		
7	Xã Sa Thầy	3,020	3,020	-	-	800	800	-	-	-	-	-	-		
8	Xã Đăk Sao	13,512	12,284	-	1,228	-	-	-	-	0	0	-	-		
9	Xã Măng Ri	19,546	17,769	-	1,777	4,783	4,783	-	-	-	-	-	-		
10	Xã Tu Mơ Rông	19,973	18,158	-	1,816	2,809	2,809	-	-	94	94	-	-		
11	Xã Đăk Rve	3,128	3,128	-	-	-	-	-	-	7	7	-	-		
12	Xã Kon Braih	1,482	1,482	-	-	-	-	-	-	18	18	-	-		
13	Xã Đăk Kôi	5,632	5,632	-	-	2,718	2,718	-	-	52	52	-	-		
14	Xã Đăk Pxi	9,296	9,296			2,468	2,468			-	-				
15	Xã Ngọc Linh	7,352	7,352	-	-	-	-	-	-	0	0	-	-		
16	Xã Đăk Long	16,693	16,693	-	-	3,327	3,327	-	-	12	12	-	-		
17	Xã Đăk Plô	4,835	4,835			4,337	4,337			2,564.1	2,564.1				

TT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) sau điều chỉnh													Ghi chú
	Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch	Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025				Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025)								
		Tổng vốn	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025				
			NSTW	NSDP bao gồm:		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:				
NST	NSH	NSTW		NST	NSH		NSTW	NST		NSH				
18	Xã Dục Nông	7,245	6,154	-	1,091	1,633	1,633	-	-	145.6	-	-	145.6	
19	Xã Đắk Long					71	71							
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát	53,491	48,001	-	5,490	10,053	10,053	-	-	12,594	12,177	-	417	
1	Xã Măng Đen	12,735	11,736	-	999	610	610	-	-	8,818.5	8,443.5	-	375.0	
2	Xã Ia Đal	291	287	-	4	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Xã Ia Toi	399	199		200	127	127							
4	Xã Đắk Rơ Wa	803	728	-	75	-	-	-	-	-	-	-	-	
5	Phường Đắk Cấm	179	162		17									
6	Xã Đắk Rơ Wa	1,260	1,134	-	126	-	-	-	-	39	12	-	26	
7	Xã Ngọc Bay	358	324	-	34	-	-	-	-	-	-	-	-	
8	Xã Kon Đào	2,573	1,053	-	1,520	429	429	-	-	-	-	-	-	
9	Xã Ngọc Tụ	682	648	-	34	52	52	-	-	-	-	-	-	
10	Xã Đắk Tô	341	324	-	17	51	51	-	-	-	-	-	-	
11	xã Sa Bình	636	636	-	-	313	313	-	-	-	-	-	-	
12	Xã Ya Ly	533	533	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	
13	Xã Mô Rai	349	349	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	
14	Xã Rờ Koi	107	107			-				0.1	0.1			
15	Xã Sa Thầy	156	156			156	156			-				
16	Xã Đắk Tờ Kan	534	486	-	49	-	-	-	-	10	10	-	-	
17	Xã Đắk Sao	356	324	-	32	-	-	-	-	6	6	-	-	
18	Xã Măng Ri	6,589	5,990	-	599	-	-	-	-	1,566	1,566	-	-	
19	Xã Tu Mơ Rông	534	486	-	49	-	-	-	-	9	9	-	-	
20	Xã Kon Braih	1,052	1,052	-	-	-	-	-	-	20	20	-	-	
21	Xã Đắk Rve	324	324	-	-	-	-	-	-	6	6	-	-	
22	Xã Đắk Kôi	324	324	-	-	-	-	-	-	46	46	-	-	
23	Xã Đắk Ui	161	161			-				-	-			
24	Xã Ngọc Réo	532	532	-	-	156	156	-	-	2	2	-	-	
25	Xã Đắk Pxi	669	669	-	-	313	313	-	-	2	2	-	-	

TT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) sau điều chỉnh													Ghi chú	
	Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch	Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025				Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025)									
		Tổng vốn	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025					
			NSTW	NSDP bao gồm:		Tổng vốn	NSTW	NSDP bao gồm:		Tổng vốn	NSTW	NSDP bao gồm:			
NST	NSH	NST		NSH	NST			NSH							
26	Xã Đắk Hà	280	280	-	-	-	-	-	-	2	2	-	-		
27	Xã Đắk Mar	140	140			-				0.9	0.9				
28	Xã Ngọc Linh	632	632	-	-	316	316	-	-	-	-	-	-		
29	Xã Đắk Long	316	316	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
30	Xã Đắk Plô	790	790	-	-	316	316	-	-	1	1	-	-		
31	Xã Đắk Pék	5,547	5,547	-	-	474	474	-	-	148	148	-	-		
32	Xã Dục Nông	1,690	1,536	-	154	-	-	-	-	178	162	-	16		
33	Xã Sa Loong	356	324	-	32	-	-	-	-	-	-	-	-		
34	Xã Bờ Y	11,263	9,715	-	1,548	6,625	6,625	-	-	1,737	1,737	-	-	-	
35	Xã Xốp	-				115	115			-					
VII	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	25,665	24,491	-	1,174	12,150	11,871	-	279.0	475.4	470.4	-	5.0		
*	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	25,665	24,491	-	1,174	12,150	11,871	-	279	475	470	-	5		
1	Xã Măng Bút	3,042	2,765		277	2,026	1,749		277.0						
2	Xã Ia Tơi	1,356	1,311	-	45	866	866	-	-	-	-	-	-		
3	Xã Đắk Rơ Wa	95	88		7	55	53		2.0	40.0	35.0		5.0		
4	Xã Kon Đào	2,511	2,391	-	120	1,285	1,285	-	-	-	-	-	-		
5	Xã Sa Bình	2,859	2,859	-	-	1,653	1,653	-	-	59	59	-	-		
6	Xã Ya Ly	391	391			391	391			-					
7	Xã Tu Mơ Rông	5,767	5,243		524	-				114.9	114.9				

TT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) sau điều chỉnh													Ghi chú
	Chủ đầu tư/ Đầu mối giao kế hoạch	Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025				Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025)								
		Tổng vốn	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025				
						Tổng vốn	Trong đó:			Tổng vốn	Trong đó:			
			NSTW	NSDP bao gồm:			NSTW	NSDP bao gồm:			Tổng vốn	NSTW	NSDP bao gồm:	
NST	NSH	NST		NSH	NST	NSH								
8	Xã Đắk Rve	1,084	1,084	-	-	597	597	-	-	55	55	-	-	
9	Xã Kon Braih	133	133	-	-	-	-	-	-	41	41	-	-	
10	Xã Đắk Kôi	634	634	-	-	597	597	-	-	37	37	-	-	
11	Xã Đắk Pxi	1,312	1,269	-	43	424	424	-	-	-	-	-	-	
12	Xã Đắk Ui	254	254	-	-	254	254	-	-	-	-	-	-	
13	Xã Đắk Mar	254	254			254	254			-				
14	Xã Ngọc Réo	424	424			424	424			-				
15	Xã Đắk Hà	127	127			127	127			-				
16	Xã Ngọc Linh	4,771	4,771			1,238	1,238							
17	Xã Đắk Plô					1,107	1,107							
18	Xã Đắk Môn					554	554							
19	Xã Dục Nông	472	420	-	52	292	292	-	-	128	128	-	-	
20	Xã Sa Loong	180	73		107	8	8		-	-	-		-	